

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 12-11-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Tự;
2. Bà Đào Thị Lan.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp tài sản chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXX ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị L**, sinh năm 1979; có mặt

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn L1**, sinh năm 1976; có mặt

Cùng địa chỉ: ấp TA, xã TM, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê QD, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Huyện Dương Minh Châu; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị L trình bày:

Chị và anh L1 tự nguyện chung sống vào tháng 02 năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM vào tháng 01/2019. Hai bên chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2020 hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do hai bên không tin tưởng lẫn nhau trong tình cảm và tiền bạc. Vào năm 2020 chị đã nộp đơn ly hôn, nhưng hai bên đã lần hòa giải đoàn tụ nên chị rút đơn, tuy nhiên giữa hai bên vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên không thể giải quyết

được, hai bên chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, do đó chị xin ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Vào khoảng tháng 7/2018, chị có dùng tiền riêng của chị xây nhà cấp 4 trên phần đất là tài sản riêng của anh L1, tại ấp TA, xã TM, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận QSDĐ do một mình anh L1 đứng tên. Tiền xây nhà là hoàn toàn tiền của riêng chị, cụ thể: Chị đã bán 02 con bò với giá 63.000.000 đồng, bán vàng riêng của tôi được 23.000.000 đồng, hốt hụi riêng của chị. Chị không nhớ chính xác bao nhiêu nhưng số tiền trên đủ để xây căn nhà của vợ chồng mà hiện nay đang tranh chấp, không có vay tiền ai để xây nhà như anh L1 khai. Anh L1 không có đưa tiền cho chị xây nhà.

Tuy nhiên chị đồng ý căn nhà và tài sản trên đất là tài sản chung của chị và anh L1, do đó chị yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị là: $196.641.000 \text{ đồng} \times \frac{1}{2} = 98.320.500 \text{ đồng}$.

Đất là tài sản riêng của anh L1 nên chị không tranh chấp. Chị đồng ý anh L1 được sở hữu căn nhà, do nhà xây trên đất riêng của anh L1; anh L1 có nghĩa vụ trả tiền cho chị.

Về việc anh L1 yêu cầu hưởng $\frac{1}{4}$ số tiền chuyển nhượng đất 1.050.000.000 đồng mà chị đã chuyển nhượng trước đây tại tỉnh Lâm Đồng thì chị không đồng ý. Đất này do cha ruột chị tặng cho chị vào năm 2015, không có liên quan đến anh L1.

- Về nợ: Về khoản vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Cầu Khởi, theo hợp đồng tín dụng số 5702-LAV-2020 05007 ngày 22-6-2020: Khoản nợ này trong hợp đồng có chữ ký và ghi họ tên của chị nhưng chị xác định chị không cùng anh L vay tiền. Khoản nợ ngân hàng này chị hoàn toàn không biết, chị không thừa nhận là nợ chung.

Bị đơn, anh L1 trình bày:

Thừa nhận về mối quan hệ hôn nhân, con chung, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian không còn chung sống như chị L trình bày là đúng. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Anh thừa nhận tài sản chung của anh và chị L chỉ có căn nhà cấp 4, xây dựng phần đất riêng của anh như chị L trình bày là đúng.

Nay chị L yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và tài sản trên đất như nêu trên thì anh đồng ý, với điều kiện chị L chia cho anh hưởng $\frac{1}{4}$ số tiền chuyển nhượng đất 1.050.000.000 đồng mà chị L đã chuyển nhượng trước đây tại tỉnh Lâm Đồng. Nguồn gốc đất tại tỉnh Lâm Đồng là chị L mua của cha ruột chị L trước khi chung sống với anh với giá 40.000.000 đồng. Khi chị L về sống với anh thì đang trả góp cho cha chị L số tiền còn lại 16.000.000 đồng. Vào tháng 5/2018, anh có bán 01 con bò riêng của anh được 16.000.000 đồng và đưa cho chị L trả dứt nợ, giấy CNQSDĐ này do một mình chị L đứng tên. Việc tôi đưa tiền 16.000.000 đồng này cho chị L thì không làm giấy tờ gì, không có ai chứng kiến do là vợ chồng. Tôi chỉ nghe thông tin chị L chuyển nhượng đất chứ không biết rõ, không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ gì. Tôi chỉ trình bày về điều kiện với chị L, không có yêu cầu khởi kiện về việc chia hưởng số tiền 1.050.000.000 đồng.

Về nợ: Vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Cầu Khởi (chị L ký thừa kế vay), thời hạn vay 02

năm, trả 25.000.000 đồng/01 năm (hạn trả đầu tiên ngày 02-6-2021). Mục đích vay tiền trả nợ, do trước đó vay tiền xây nhà đang tranh chấp.

Ông Lê QD trình bày:

Ngày 22-6-2020, chị L, anh L1 có ký hợp đồng tín dụng số 5702-LAV-2020 05007 vay số tiền 50.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng. Khi vay chị L, anh L1 có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV 350059, sổ vào sổ CS 05590 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03-4-2020 cho anh L1 đứng tên, diện tích đất 194,3 m², thửa đất 635 tờ bản đồ số 43 tại ấp TA, xã TM, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Hiện nay khoản nợ trên chưa đến hạn trả nợ nên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chưa khởi kiện và xử lý tài sản; đề nghị Tòa án xem xét, bảo đảm quyền lợi của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, bên giữ tài sản.

Tại phiên tòa, anh L1 xác định trường hợp chị L đồng ý cho anh hưởng ¼ số tiền chuyển nhượng đất 1.050.000.000 đồng mà chị L đã chuyển nhượng trước đây tại tỉnh Lâm Đồng thì anh đồng ý chia cho chị L hưởng ½ giá trị căn nhà và tài sản trên đất hiện đang tranh chấp và cũng đồng ý một mình trả khoản vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Cầu Khởi, theo hợp đồng tín dụng số 5702-LAV-2020 05007 ngày 22-6-2020. Trường hợp chị L không tự nguyện đồng ý thì anh không đồng ý chia cho chị L hưởng tài sản chung, yêu cầu chị L cùng trả nợ gốc ngân hàng mỗi người là 25.000.000 đồng.

Chị L tự nguyện đồng ý cùng anh L1 trả khoản vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Cầu Khởi, theo hợp đồng tín dụng số 5702-LAV-2020 05007 ngày 22-6-2020: Chị và anh L1 mỗi người trả 1/2 là 25.000.000 đồng.

Chị L đồng ý khấu trừ số tiền trả nợ ngân hàng 25.000.000 đồng vào giá trị tài sản chung chị được nhận để giao lại cho anh L1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh L1, thuận tình ly hôn. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị L. Anh L1 có trách nhiệm thanh toán lại cho chị L ½ giá trị tài sản chung 98.320.500 đồng.

Nợ chung: Ghi nhận chị L, anh L1 tự nguyện thỏa thuận: Chị L, anh L1 mỗi người trả Ngân hàng 25.000.000 đồng, khấu trừ khoản nợ 25.000.000 đồng vào giá trị tài sản chung của chị L, giao lại cho anh L1 sở hữu để anh L1 trả nợ cho Ngân hàng.

Các đương sự chịu chi phí đo đạc, định giá; án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh L1 tự nguyện chung sống vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM vào tháng 01-2019. Trong quá trình chung sống anh L1, chị L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, không tin tưởng lẫn nhau về tình cảm và kinh tế; dẫn đến hai bên không còn tình cảm. Nay anh L1, chị L cùng thống nhất tự nguyện ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Anh L1, chị L cùng thừa nhận tài sản chung là nhà và tài sản trên đất nằm tọa lạc trên diện tích đất 194,3 m², thửa đất 635 tờ bản đồ số 43 tại ấp TA, xã TM, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; trị giá 196.6401.000 đồng (làm tròn).

Anh L1, chị L cùng thống nhất mỗi bên hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung: 196.641.000 đồng x $\frac{1}{2}$ = 98.320.500 đồng.

Hai bên thống nhất anh L1 hưởng hiện vật là căn nhà và các tài sản trên đất, đồng thời hoàn trả giá trị tài sản cho chị L. Tuy nhiên, ý kiến của anh L1 chỉ đồng ý hoàn trả cho chị L số tiền 98.320.500 đồng với điều kiện chị L chia cho anh L1 hưởng $\frac{1}{4}$ số tiền 1.050.000.000 đồng chị L chuyển nhượng phần đất tại tỉnh Lâm đồng, nhưng chị L không đồng ý. Các bên không có yêu cầu khởi kiện về số tiền chuyển nhượng đất 1.050.000.000 đồng nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Do đó, anh L1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản chung 98.320.500 đồng cho chị L.

Đối với diện tích đất 194,3 m², thửa đất 635 tờ bản đồ số 43: Chị L xác định là tài sản riêng của anh L1, không tranh chấp.

[4] Về nợ: Khoản vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Cầu Khởi, theo hợp đồng tín dụng số 5702-LAV-2020 05007 ngày 22-6-2020:

Tại phiên tòa, anh L1, chị L cùng thống nhất mỗi bên trả $\frac{1}{2}$ khoản vay gốc 50.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Cầu Khởi, theo hợp đồng tín dụng số 5702-LAV-2020 05007 ngày 22-6-2020; mỗi người trả: 50.000.000 đồng x $\frac{1}{2}$ = 25.000.000 đồng.

Chị L1 tự nguyện khấu trừ khoản nợ 25.000.000 đồng vào giá trị tài sản chung chị được hưởng và giao lại cho anh L1 để anh L1 trả nợ thay chị tại Ngân hàng. Thấy rằng, khoản vay này anh L1 đang thế chấp quyền sử dụng đất 194,3 m², thửa đất 635 tờ bản đồ số 43 tại ấp TA, xã TM, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh - là tài sản riêng của anh L1, anh L1 là người hưởng tài sản chung là căn nhà trên đất; từ thời điểm vay đến nay anh L1 là người trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Như vậy, sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên Ngân hàng, anh L1 có nghĩa vụ trả giá trị tài sản chung cho chị L:

$98.320.500 \text{ đồng} - 25.000.000 \text{ đồng} = 73.320.500 \text{ đồng}.$

Anh L1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng theo hợp đồng tín dụng số 5702-LAV-2020 05007 ngày 22-6-2020 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Cầu Khởi. Anh L1 tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 5702-LAV-2020 05007 ngày 22-6-2020.

[5] Chi phí định giá, thẩm định tại chỗ:

Tổng chi phí tố tụng: 11.000.000 đồng.

Theo Khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Anh L1, chị L mỗi người phải chịu: $11.000.000 \text{ đồng} \times \frac{1}{2} = 5.500.000 \text{ đồng}.$

Chị L đã nộp tạm ứng toàn bộ; do đó anh L1 có nghĩa vụ hoàn trả cho chị L 5.500.000 đồng.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Rớt; đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Anh L1, chị L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản họ được chia sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên Ngân hàng:

$73.320.500 \text{ đồng} \times 5\% = 3.666.000 \text{ đồng}.$

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 228, Khoản 2 Điều 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 29, 33, 37, 51, 55, 58, 59, 60 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị L đối với anh Bùi Văn L1.

1.1. Chị Đặng Thị L và anh Bùi Văn L1 chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Anh Bùi Văn L1 được sở hữu các tài sản sau:

Một căn nhà diện tích 93,5 m² và công trình khác nằm trên diện tích đất 194,3 m², thửa đất 635 tờ bản đồ số 43 tại ấp TA, xã TM, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV 350059, số vào sổ CS 05590 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03-4-2020 cho anh Bùi Văn L1 đứng tên.

1.3. Anh Bùi Văn L1 có nghĩa vụ trả giá trị tài sản chung cho chị Đặng Thị L số tiền 73.320.500 (*Bảy mươi ba triệu ba trăm hai mươi nghìn năm trăm*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Anh Bùi Văn L1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển

nông thôn Việt Nam số tiền gốc 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 5702-LAV-2020 05007 ngày 22-6-2020 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Cầu Khởi.

2. Chi phí định giá, thẩm định tại chỗ:

Anh Bùi Văn L1 có nghĩa vụ trả cho chị Đặng Thị L số tiền 5.500.000 (*Năm triệu năm trăm nghìn*) đồng.

3. Về án phí DSST:

3.1. Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 3.666.000 đồng án phí chia tài sản; tổng cộng 3.966.000 đồng; được khấu trừ vào 2.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005735, 0005745 cùng ngày 09-4-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị Đặng Thị L còn phải nộp thêm 1.416.000 (*Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn*) đồng.

3.2. Anh Bùi Văn L1 phải chịu 3.666.000 (*Ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng.

4. “Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- Các đương sự.
- Lưu tập án, lưu hồ sơ,

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TẠ THỊ HẠ